

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO VÙNG LÃNH THỔ: KINH NGHIỆM TỪ CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Phạm Thị Hạnh (\*)

Trần Việt Anh (\*\*)

**Tóm tắt:** Phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ đang là xu hướng chủ đạo trong chiến lược phát triển quốc gia của Việt Nam trong thời gian gần đây. Một số nước trên thế giới đã thành công, đặc biệt là các nước trong khối Liên minh Châu Âu, trong đó có Cộng hòa Liên bang (CHLB) Đức. Bài viết đề cập kinh nghiệm thành công của CHLB Đức với những nội dung như: Một số lý thuyết về phát triển bền vững vùng, lãnh thổ; Kinh nghiệm thực hiện chính sách phát triển bền vững vùng, lãnh thổ thành công của CHLB Đức; Các khuyến nghị về chính sách phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Chính sách phát triển vùng; Lý thuyết phát triển vùng; Kinh nghiệm phát triển vùng; Cộng hòa Liên bang Đức.

**Abstract:** Sustainable development of territories has been a major trend in Vietnam's national development strategy recently. Some countries in the world have been successful in sustainable development of territories, especially European Union countries such as the Federal Republic of Germany. In this article, the author discussed how Germany had successfully developed theories of sustainable development of territories, how it conducted policies on sustainable development of territories, and how these experiences could be applied to the case of Vietnam.

**Keywords:** Regional development policy; Regional development theory, Regional development experience of the Federal Republic of Germany.

Ngày nhận bài: 21/5/2017; Ngày sửa bài: 30/5/2017; Ngày duyệt đăng bài: 30/6/2017.

### 1. Đặt vấn đề

Phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ hiện đang là xu hướng chủ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế theo vùng, lãnh thổ chúng ta còn có nhiều bất cập như: thiếu sự liên kết, phối hợp giữa các tỉnh với nhau, chủ yếu tập trung phát triển theo chiều rộng, mà chưa có sự phát triển theo chiều sâu, dẫn đến hiệu quả chính sách phát triển kinh tế theo vùng lãnh thổ còn thấp. Bài viết đề cập tới một số lý thuyết về phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ; kinh nghiệm tổ chức hành chính và tổ chức phát triển kinh tế CHLB Đức làm bài học kinh nghiệm cho Việt Nam và đề xuất khuyến nghị chính sách phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ tại Việt

Nam.

### 2. Một số lý thuyết về phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ

#### 2.1. Lý thuyết định vị công nghiệp

Lý thuyết định vị công nghiệp do Alfred Weber khởi xướng năm 1929. Theo A. Weber (1929) cho rằng, sự hình thành nên các đô thị trong một vùng sẽ là nơi hội tụ tập trung lao động và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các ngành kinh tế, nó có ý nghĩa quan trọng như là hạt nhân cho sự phát triển của toàn vùng. Tuy nhiên, cần lưu ý việc lựa chọn vị trí, phân bố các doanh nghiệp, các ngành kinh tế có vai trò quan trọng trong sự phân bố các đô thị và ảnh hưởng đến sự phát triển của vùng. Trong

(\*) NCS. Khoa Kinh tế học, Học viện Khoa học xã hội.

(\*\*) Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn.

việc tập trung công nghiệp dẫn đến sự phát triển của hai loại thành phố:

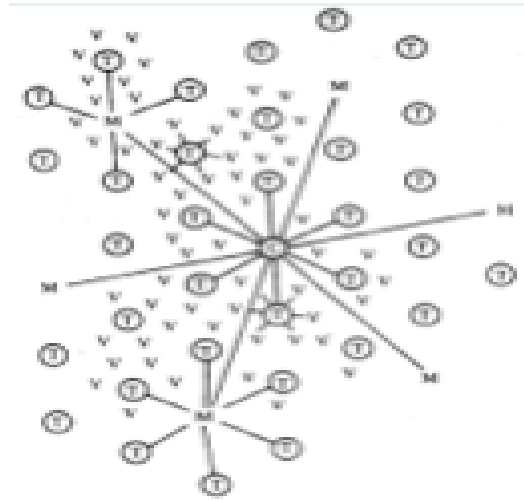
- *Loại thứ nhất:* Thành phố dựa vào nguồn nguyên liệu: là địa điểm được lựa chọn của các doanh nghiệp/ngành định hướng nguồn lực.

- *Loại thứ hai:* Thành phố có chức năng như những trung tâm tiêu thụ của vùng lãnh thổ: hấp dẫn các doanh nghiệp/ngành định hướng thị trường.

## 2.2. Lý thuyết vị trí trung tâm

Lý thuyết vị trí trung tâm do W.Christaller và A. Losch đề xuất vào năm 1933. Theo W. Christaller (1966) thì muốn phát triển một vùng cần phải bắt đầu phát triển từ các hạt nhân (các trung tâm) rồi sau đó lan toả ra xung quanh. Quá trình hình thành phát triển, các trung tâm bắt đầu từ việc hình thành các cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) tham gia vào thị trường. Khi số đơn vị SXKD càng nhiều (càng nhiều doanh nghiệp tham gia) thì do ngoại ứng tích cực của việc tập trung hoá như sử dụng chung đường giao thông, điện nước; sử dụng chung thị trường, hỗ trợ nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để tăng hiệu quả kinh doanh dần sẽ dẫn đến việc phân bố các vị trí trung tâm mà ở đó các cơ sở thuộc các ngành khác nhau nhưng có qui mô thị trường tương tự nhau sẽ cùng phân bố tại một vị trí trung tâm. Theo như sơ đồ dưới đây:

### Sơ đồ 1. Sự hình thành các trung tâm trong một vùng



*Nguồn: Monsted and Mette (1974).*

## 2.3. Lý thuyết vành đai nông nghiệp

Lý thuyết vành đai nông nghiệp do John Heinrich Von Thunen đề xuất vào năm 1826 trong tác phẩm *Isolate State* (Nhà nước tiêu nông). Theo J.V. Thunen (1826) cho rằng, các hoạt động nông nghiệp thường được phân bố trong các vành đai quanh thành phố với các khoảng cách khác nhau, phụ thuộc vào: sự khác nhau về chi phí vận tải, khoảng cách vận chuyển, trọng lượng sản phẩm, nhu cầu đa dạng của người thành phố... Sự phát triển của các trung tâm đô thị sẽ có ảnh hưởng đến sự phát triển của các vành đai nông nghiệp và suy rộng ra là cả vùng đó. Do vậy, phát triển vùng có liên quan mật thiết tới sự phát triển của các đô thị trong vùng đó.

## 2.4. Lý thuyết cực tăng trưởng và phát triển

Lý thuyết cực tăng trưởng do Francois Peroux đề xuất đầu tiên vào năm 1949 trong tác phẩm *Growth Poles* (cực tăng trưởng). Monsted và Mette (1949) cho rằng, với mỗi vùng lãnh thổ có lợi thế cần xác định phát triển công nghiệp mũi nhọn của vùng đó với công nghệ hiện đại, tốc độ đổi mới cao, sản phẩm có độ co giãn của cầu theo thu nhập lớn, có phạm vi thị trường rộng lớn trên nhiều vùng hoặc toàn quốc sẽ dẫn đến việc tập trung hoá phát triển rất nhanh của ngành công nghiệp mũi nhọn sẽ làm tăng việc làm, thu nhập và tăng sức mua, tăng thu hút các ngành công nghiệp mới, các hoạt động dịch vụ

kinh tế - xã hội và các hoạt động phát triển mới từ đó dẫn đến hiện tượng hiệu ứng lan toả như: gia tăng phát triển và hưng thịnh của lãnh thổ (*tác động số nhân*) và gia tăng các cơ hội phát triển mới bắt đầu xuất hiện ở nhiều địa phương khác và cứ thế lan toả cả vùng.

### 2.5. Lý thuyết tăng trưởng nội sinh

Lý thuyết tăng trưởng nội sinh là trường phái mô hình tăng trưởng cố gắng khắc phục những khiếm khuyết của mô hình Solow<sup>(1)</sup>: (1) Mô hình Solow hoàn toàn nói về công nghệ, nhưng lý thuyết này không đưa ra giải thích về thay đổi công nghệ; và (2) Lý thuyết dự báo về sự hội tụ, nhưng hội tụ nhìn chung không xác định được qua thực nghiệm.

Lý thuyết tăng trưởng nội sinh cho rằng, sự phát triển của mỗi vùng chủ yếu dựa vào yếu tố nội lực của vùng đó thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế. Nội lực của mỗi vùng chịu ảnh hưởng của hai yếu tố cung và cầu.

Tác động từ phía cung:  $Y = f(N, K, L, T, A)$

N: Tài nguyên thiên nhiên

K: Vốn

L: Lực lượng lao động

T: Công nghệ

A: Tổ chức/ quản lý sản xuất

Tất cả các yếu tố này sẽ làm tăng các yếu tố đầu vào tạo ra tăng trưởng kinh tế

Tác động từ phía cầu:  $Y = C + I + G + X - M$

C: Tiêu dùng của người dân I: Đầu tư

G: Chi tiêu của Chính phủ

X: Giá trị xuất khẩu

M: Giá trị nhập khẩu

Đầu tư I (gồm cả đầu tư tài chính và đầu tư hiện vật) là một cấu phần quan trọng trong tổng cầu, là động lực cơ bản của tăng trưởng kinh tế vùng.

Tiết kiệm S là nguồn gốc của đầu tư.

Tăng trưởng  $g = S/ICOR$

Do vậy, muốn tăng trưởng thì cần giảm tiêu dùng hiện tại/chuyển đổi sang tiết kiệm nhằm tạo ra mức tiêu dùng cao hơn trong tương lai.

*Sức hấp dẫn của vùng*

- Trong điều kiện nền kinh tế mở và vùng không đủ nguồn lực để đầu tư (tiết kiệm cầu đầu tư) là bù đắp phần thiếu hụt vốn bằng đầu tư bên ngoài.

- Khả năng thu hút đầu tư bên ngoài phụ thuộc vào tính hấp dẫn của vùng (do sự khác nhau về các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội - văn hóa).

### 3. Kinh nghiệm phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ của CHLB Đức

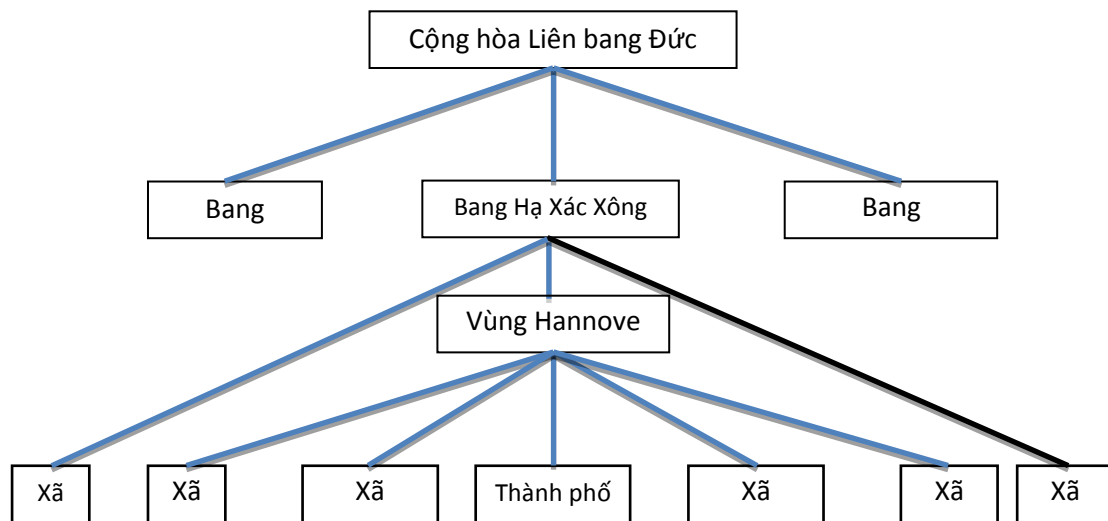
Theo Báo cáo khảo sát của Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (2011) cho thấy, quá trình phát triển vùng ở Cộng hoà Liên bang Đức đã được thực hiện trên cả 2 mặt: tổ chức hành chính và tổ chức phát triển kinh tế.

#### 3.1. Về mặt tổ chức hành chính

*Vùng được tổ chức theo hình thức phân cấp quản lý hành chính.*

Tuỳ thuộc vào nhu cầu của các địa phương mà chính quyền Liên bang Đức có thể tiến hành phân cấp quản lý hành chính đầy đủ hoặc không cho từng vùng. Ví dụ, vùng Hannover được thành lập với sự phân cấp tương đối đầy đủ về công tác quản lý hành chính, vùng Hannover được mô hình hóa như sau:

<sup>(1)</sup> Solow đã dành giải Nobel nhờ nghiên cứu của ông về tăng trưởng dài hạn. Từ đó, phân tích ngắn hạn, ông là người trung thành theo học thuyết Keynes, rất nhiều bài viết của ông đều hướng chỉ trích về những người tin rằng giá sẽ nhanh chóng làm cân bằng lại thị trường: “Liệu cây ô liu, già sử không được trợ giúp, sẽ luôn luôn đáp ứng được một nửa số rượu martini không?” David Begg and et al (2012).

**Hình 2.1: Mô hình vùng Hannover**

*Nguồn: W. Christaller (1966).*

Với mô hình này ở cấp vùng, người dân bầu ra cơ quan đại diện (giống HĐND) thời hạn 5 năm và chủ tịch vùng (thời hạn 8 năm). Hội đồng có 85 thành viên; Chủ tịch là thành viên của Hội đồng Vùng và có quyền bổ nhiệm, là nhân vật có thế lực mạnh, phụ trách toàn bộ bộ máy hành chính của vùng.

Với cơ cấu tổ chức hành chính này sẽ tăng thêm quyền hạn cho chính quyền vùng, giúp chính quyền vùng thực hiện các nhiệm vụ mà nếu để các địa phương trong vùng thực hiện sẽ không có hiệu quả như: Giao thông nội vùng, khuyến khích phát triển kinh tế, dạy nghề,...

*Vùng được tổ chức theo hình thức phân quyền.*

Một số bang tổ chức theo mô hình “đại diện vùng”, đơn giản mỗi vùng cử người vào đại diện cơ quan hành pháp của bang.

*Mô hình thành lập hội, hiệp hội với sự tham gia của các địa phương trong vùng.*

Bên cạnh hai hình thức mang tính hành chính trên, ở một số bang của Đức còn hình thành một tổ chức phi hành chính dưới dạng một với mục tiêu liên kết giữa các địa phương. Các tổ chức hiệp hội như: Hiệp hội Quy hoạch vùng Munchen (RPV); Hiệp hội cho các vùng ngoài Munchen (PV); Hội IVT: Đảm bảo nhu cầu thu

giãn cho người dân; Hội MVV: đảm bảo nhu cầu nghỉ ngơi; Hội Dachauer: Hiệp hội đảm bảo cảnh quan, đầm lầy; Phòng Thương mại và công nghiệp; Hiệp hội Vùng đô thị Châu Âu ở Munchen,...

### 3.2. Về mặt kinh tế

*Thành lập các công ty công phi lợi nhuận.*

Tiêu biểu là ở bang Hạ Xác Xông, các công ty này có nhiệm vụ:

- + Tăng sức cạnh tranh của vùng so với các vùng khác.

- + Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp của vùng hoạt động.

- + Thu hút các nhà đầu tư vào vùng.

Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV) trong việc xin giấy phép hoặc tư vấn cho họ để có cơ hội trong kinh doanh so với doanh nghiệp lớn. Đối tượng hỗ trợ của công ty là các DNNVV hoặc các doanh nghiệp mới thành lập, các hoạt động hỗ trợ đều miễn phí. Do vậy, phạm vi tư vấn của công ty được giới hạn là những dịch vụ tư vấn không cạnh tranh với các doanh nghiệp tư vấn tư nhân khác. Công ty hoạt động trên ba lĩnh vực: hỗ trợ lập nghiệp, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển địa bàn thu hút đầu tư, cụ thể.

*Thành lập công ty cổ phần định hướng lợi*

*nhuận nằm liên kết các địa phương lại với nhau.*

Mục tiêu của công ty là làm gia tăng sự gắn bó của các doanh nghiệp với địa bàn vùng thông qua các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp nên cổ đông của công ty rất đa dạng, cả nhóm các tổ chức công (bao gồm cả cơ quan chính quyền) lẫn nhóm các doanh nghiệp.

*Những kết quả thực hiện chính sách phát triển vùng*

Thực hiện chính sách phát triển vùng đã được thực hiện ở CHLB Đức từ nhiều thập kỷ nay từ sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Chương trình tái thiết sau chiến tranh, xây dựng lại đất nước Đức, đặc biệt là kế hoạch Marshall của Mỹ được thực hiện qua việc phát triển vùng.

Tác động của chính sách phát triển vùng trong thời gian này đã đưa lại những kết quả rõ rệt: một số bang yếu, có truyền thống sản xuất nông nghiệp đã có những bước phát triển ngoạn mục, chuyển đổi được cơ cấu kinh tế và đuổi kịp những bang phát triển khác như các bang Bayern, Baden Wuettenberg,...

Ngày nay, người ta thừa nhận cần thiết phát triển một số trung tâm có sự phát triển nhanh hơn, di dân mạnh hơn được coi như là đầu tàu để kéo sự phát triển của các địa phương khác.

*3.3. Bài học rút ra từ kinh nghiệm của CHLB Đức*

Từ kết quả nghiên cứu khảo sát về liên kết giữa các địa phương trong phát triển vùng tại Cộng hoà Liên bang Đức của Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (2011), một số bài học kinh nghiệm có thể rút ra như sau:

*Thứ nhất*, công tác quy hoạch vùng cần phải được công khai, minh bạch. Hình thức tổ chức vùng cần rất linh hoạt không cứng nhắc, thực hiện việc phân cấp, phân quyền cho các chính quyền vùng căn cứ vào điều kiện cụ thể mà linh hoạt thực hiện. Đặc biệt chú trọng sự liên kết giữa các vùng, các địa phương trong vùng với nhau.

*Thứ hai*, vai trò liên kết các địa phương lại với nhau trong việc hình thành nên tổ chức vùng là đặc biệt quan trọng. Để liên kết các địa

phương, các vùng với nhau có các công ty lợi nhuận, phi lợi nhuận các hiệp hội. Cơ sở để duy trì liên kết các địa phương lại với nhau đó là tài sản chung của các địa phương. Mỗi địa phương đều có quyền khai thác và sử dụng tài sản công phục vụ cho nhu cầu địa phương mình; đồng thời, các địa phương đều phải có trách nhiệm đóng góp vào tài sản chung. Tài sản chung có thể được tồn tại với nhiều hình thức khác nhau phù hợp với đặc điểm của từng vùng, không có một mô hình mẫu chung.

**4. Một số khuyến nghị chính sách phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ tại Việt Nam**

Từ thành công của CHLB Đức trong việc phát triển vùng lãnh thổ có thể rút ra một số bài học trong vấn đề lập chính sách của Việt Nam như sau:

*Thứ nhất, phát triển bền vững kinh tế nội vùng kết hợp liên kết vùng để tác động lan tỏa.* Nên quán triệt chủ trương phát triển vùng kinh tế cả nước nói chung và mỗi vùng nói riêng theo nguyên tắc đầu tư có trọng điểm, tạo hạt nhân để lan tỏa sang các vùng khác.

(1) Trên bình diện cả nước hiện nay cả nước có 63 tỉnh thành và được chia làm 8 vùng kinh tế, với nguồn lực có hạn Chính phủ không thể tập trung đầu tư dàn trải cho tất cả các vùng mà nên có phân loại theo thứ tự ưu tiên. Nên tập trung đầu tư vào một số vùng kinh tế trọng điểm làm cực tăng trưởng kinh tế cho cả nước, để từ đó hỗ trợ các vùng khác phát triển.

(2) Trong mỗi vùng cũng cần xác định ưu tiên tinh trọng điểm có lợi thế phát triển để tập trung đầu tư trước: lợi thế về vị trí điều kiện tự nhiên, về tài nguyên thiên nhiên, về nhân lực,... làm hạt nhân, làm đầu tàu kéo cho các tỉnh khác.

(3) Tăng cường mở rộng các mối liên kết vùng và các địa phương với nhau như bài học kinh nghiệm của Cộng hoà Liên bang Đức cho thấy lợi ích từ sự liên kết đem lại. Phát triển sự liên kết vùng, liên kết các địa phương sẽ giúp cho việc sử dụng các cơ sở hạ tầng được hiệu quả như: đường, điện, nước, hệ thống giao thông,... và phát

huy lợi thế có sẵn của các địa phương, giúp cho mỗi địa phương có điều kiện chuyên môn hoá trong điều kiện mình có thể.

*Thứ hai, chú trọng phát triển kinh tế song song với việc hoàn thiện quản lý hành chính.* Chương trình chính sách phát triển vùng một mặt chú trọng đến phát triển kinh tế vùng một mặt khác cần chú trọng hoàn thiện cơ chế quản lý về mặt hành chính lãnh thổ. Phát triển kinh tế và hoàn thiện chính sách quản lý lãnh thổ về hành chính vì chúng có tác động quan hệ tương hỗ lẫn nhau, tránh quá nhiều văn bản luật và dưới luật quy định về quy hoạch dẫn đến sự chông chéo, trùng lặp, chia cắt trong quy hoạch.

*Thứ ba, hoàn thiện thể chế kinh tế vùng.* Việt Nam có thể tận dụng lợi thế của một nước đi sau, học hỏi kinh nghiệm từ các nước đi trước; trong đó, có kinh nghiệm quy hoạch phát triển vùng của CHLB Đức đã đề cập ở trên. Việt Nam cần nhận ra những thành công cũng như những thất bại từ các nước đi trước để có thể xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội theo vùng lãnh thổ, địa phương nhằm phát huy tối đa tiềm lực của đất nước theo hướng phát triển bền vững và nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Việt Nam đã tiến hành quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội ở các vùng, địa phương. Tuy nhiên, theo ông Vương Đình Huệ - Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, “Việt Nam mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định trong thực hiện chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế vùng, nhưng cũng còn nhiều hạn chế trong quá trình triển khai chủ trương, cơ chế chính sách như: chưa nhận thức đầy đủ phát triển kinh tế vùng như một quy luật tự thân của kinh tế thị trường theo không gian kinh tế; cách phân vùng kinh tế - xã hội còn nhiều mặt hạn chế để phát huy lợi thế so sánh từng vùng; các vùng kinh tế trọng điểm chưa thực sự phát huy vai trò đầu tàu, có tác dụng lan tỏa, hiệu quả đầu tư chưa thực sự vượt trội; chưa quan tâm đến chức năng từng vùng gắn với điều kiện kinh tế - xã hội vùng và với tổng thể quốc gia; thiếu cơ chế quản trị, điều phối vùng hiệu quả; chất lượng quy hoạch phát

triển kinh tế - xã hội vùng còn hạn chế;...” (phát biểu tại Hội thảo quốc tế *Liên kết vùng trong quá trình tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở Việt Nam*). Từ kinh nghiệm các nước đi trước, yêu cầu thực tiễn và bối cảnh quốc tế, Việt Nam cần lựa chọn cho mình một chiến lược/chính sách/quy hoạch phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ phù hợp với điều kiện và những lợi thế so sánh hiện có của Việt Nam và các chiến lược/chính sách/quy hoạch đón đầu được những thách thức có thể tác động tới việc phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ tại Việt Nam.

*Thứ tư, thúc đẩy điều phối vùng tại Việt Nam.* “Cải thiện điều phối vùng mang lại tiềm năng to lớn cho phát triển kinh tế. Thông qua việc xác định và tăng cường lợi thế cạnh tranh, các vùng có thể trở nên cạnh tranh hơn, giúp tăng thu nhập và tạo ra các cơ hội sinh kế bền vững cho người dân địa phương. Điều phối vùng giúp tạo điều kiện thiết lập và củng cố các khu vực kinh tế, dựa trên các nguồn vốn tự nhiên, có cân nhắc các thách thức và nguy cơ bị tổn thương cụ thể theo không gian” (*Các đối tác phát triển*, 2016). Ví dụ: Điều phối vùng tại Đồng bằng sông Cửu Long là điều phối vấn đề về phát triển và ứng phó với biến đổi khí hậu tại đây và điều phối vùng là yếu tố then chốt cho các giải pháp liên tỉnh và liên ngành. Tuy nhiên, điều phối kinh tế vùng cần xem xét tới các vấn đề sau: (1) Thể chế có đủ mạnh để điều phối vùng một cách hiệu quả; (2) Quy hoạch vùng và mối liên hệ với vấn đề tài chính là điều kiện quan trọng để điều phối vùng một cách có hiệu quả; (3) Cơ chế điều phối vùng không chỉ cho phát triển kinh tế mà còn phải xác định và thực hiện các giải pháp đa ngành; (4) Điều phối vùng có thể thực hiện theo từng giai đoạn.

### 5. Kết luận

Phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ bao gồm: (1) Phát triển bền vững về kinh tế: Thể hiện phát triển có hiệu quả các nguồn lực hiện có của mỗi vùng, tăng quy mô của GDP, tạo ra sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng

CNH, HDH. (2) Phát triển bền vững về xã hội: Biểu hiện ở đời sống tinh thần được nâng lên không ngừng về bảo đảm dịch vụ y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao, bình đẳng cơ hội việc làm, bình đẳng thu nhập hưởng thụ cho mọi tầng lớp dân cư của vùng lãnh thổ. (3) Phát triển bền vững môi trường: Bảo đảm khai thác tài nguyên hợp lý, giảm thiểu lãng phí tài nguyên gây suy thoái; phát triển kinh tế - xã hội luôn gắn bảo vệ môi trường, sinh thái.

Từ thực tiễn phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ của Việt Nam ứng dụng những lý thuyết về phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ (*Lý thuyết định vị công nghiệp; Lý thuyết vị trí trung tâm; Lý thuyết vành đai nông nghiệp; Lý thuyết cực tăng trưởng và phát triển; Lý thuyết tăng trưởng nội sinh*) và từ kinh nghiệm phát triển bền vững tại CHLB Đức xét từ các mặt tổ chức hành chính và mặt kinh tế, bài viết đề xuất khuyến nghị chính sách phát triển bền vững theo vùng lãnh thổ tại Việt Nam, bao gồm (1) *Phát triển bền vững kinh tế nội vùng kết hợp liên kết vùng để tác động lan tỏa;* (2) *Chủ trọng phát triển kinh tế song song với việc hoàn thiện quản lý hành chính;* (3) *Hoàn thiện thể chế kinh tế vùng;* (4) *Thúc đẩy điều phối vùng tại Việt Nam.*

1. Alfred Weber (1929), *Theory of the location of Industries*, University of Chicago Press.

2. Các đối tác phát triển (2016), Tuyên bố chung của các Đối tác phát triển về Điều phối vùng tại Việt Nam, Hà Nội.

3. David Begg et al (2012), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhóm giảng viên Khoa Kinh tế học Đại học Kinh tế Quốc dân dịch, Nxb. Thống Kê, Hà Nội.

4. J. H. Thunen (1966), *Von Thunen's Isolated State. An English Edition of Der Isolierte Staat (German)*, Hardcover use pre formatted date that complies with legal requirement from media matrix.

5. NASATI (2016), Hội thảo quốc tế, *Liên kết vùng trong quá trình tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở Việt Nam*, truy cập ngày 20/8/2016.

6. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2011), Báo cáo khảo sát liên kết giữa các địa phương trong phát triển vùng tại Công hòa Liên bang Đức.

7. W. Christaller (1966), *Central places in Southern Germany*, Englewood Cliffs, N.J.: Prentice-Hall.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO